

Số: 01 /QCPH/TQ-BK

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 01 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 12-01-2018

CÔNG VĂN ĐẾN số:...

QUY CHẾ PHỐI HỢP

**Trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản
tại các khu vực giáp ranh giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Bắc Kạn**

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 6667/VPCP-CN ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trên phạm vi toàn quốc năm 2016;

Căn cứ Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Hội nghị trực tiếp về nhiệm vụ, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên cát, sỏi;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thống nhất ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực giáp ranh giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là: *khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh*), như sau:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, hình thức và nội dung phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản tại các khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh.

Các nội dung phối hợp khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản tại khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh.

Điều 2. Mục đích của việc phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ, hiệu quả về chuyên môn và thông tin, để tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh, nhằm ngăn chặn và chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và nhân dân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về khoáng sản và công tác bảo vệ khoáng sản tại khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Không gây cản trở đến công tác quản lý của các cơ quan nhà nước và hoạt động khoáng sản hợp pháp của các tổ chức, cá nhân ở tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Bắc Kạn.

2. Công tác phối hợp được thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và các văn bản có liên quan; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

3. Bảo đảm đồng bộ, hiệu quả trong việc trao đổi, cung cấp thông tin và phối hợp kiểm tra hoạt động khoáng sản tại các khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh.

4. Chủ động trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; xử lý những vấn đề phát sinh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan đối với các hoạt động khoáng sản tại khu vực giáp ranh giữa tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Bắc Kạn. Hỗ trợ trong xử lý các tình huống phức tạp bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Chương II

PHƯƠNG THỨC, HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Phối hợp tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các khu vực khoáng sản tại vùng giáp ranh giữa hai tỉnh, nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định. Cơ quan chủ trì kiểm tra của tỉnh Tuyên Quang hoặc tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm thông báo cho cơ quan cùng cấp của tỉnh giáp ranh biết và phối hợp thực hiện khi cần thiết.

2. Tại khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh, khi xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép, chính quyền địa phương tại khu vực đó chủ trì, phối hợp với cơ quan cùng cấp tỉnh giáp ranh tổ chức kiểm tra, thống nhất hình thức xử lý theo thẩm

quyền. Trường hợp, trong quá trình xử lý có ý kiến khác nhau thì cơ quan chủ trì quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Điều 5. Hình thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung cần phối hợp, các hình thức phối hợp gồm:

1. Bằng văn bản đề nghị phối hợp; trường hợp khẩn cấp có thể thông báo qua điện thoại, sau đó có văn bản đề nghị, khi cần thiết thì trực tiếp làm việc để thông báo, trao đổi thông tin, tài liệu.

2. Thành lập đoàn công tác liên tỉnh, liên huyện, liên xã giáp ranh.

3. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trao đổi thông tin:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trao đổi thông tin về tiềm năng khoáng sản, tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản tại các khu vực giáp ranh, đặc biệt là thông tin liên quan đến phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khu vực giáp ranh thuộc các tỉnh trao đổi thông tin về tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản tại khu vực giáp ranh, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

2. Phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát nắm tình hình:

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Bắc Kạn thực hiện phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát nắm tình hình tại các khu vực khoáng sản giáp ranh trong các trường hợp cần thiết, để xác định, tổ chức ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết, mua bán khoáng sản trái phép.

Lực lượng công an tại địa phương thường xuyên tuần tra kiểm soát nắm tình hình trên địa bàn, kịp thời phát hiện, trao đổi thông tin về các đối tượng có biểu hiện vi phạm trong hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết, mua bán khoáng sản.

3. Phối hợp trong công tác ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khoáng sản trái phép:

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm chỉ đạo và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

Phối hợp, tạo điều kiện về lực lượng, trang thiết bị, đồng thời tổ chức ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Ngăn chặn các đối tượng vi phạm di chuyển sang tỉnh giáp ranh, trường hợp các đối tượng vi phạm đã di chuyển sang tỉnh giáp ranh, cần thông báo ngay cho cơ quan quản lý cùng cấp biết, xử lý.

4. Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm:

a) Xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Các đối tượng, tang vật hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết, mua bán khoáng sản trái phép được xem xét xử lý tại địa phương nơi xảy ra vi phạm.

Trường hợp vụ việc, hành vi vi phạm xảy ra trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên, thì bên phát hiện trước sẽ chủ trì xử lý, giải quyết và thông báo cho cơ quan, đơn vị giáp ranh biết, cùng phối hợp.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khu vực giáp ranh có trách nhiệm phối hợp hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến công tác xử lý vi phạm theo thẩm quyền; phối hợp chặt chẽ việc thực hiện các nội dung quyết định xử lý đã được ban hành; trường hợp vượt thẩm quyền phải hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Kết quả xử lý vi phạm được thông báo công khai; hành vi vi phạm được thông báo về nơi cư trú của các đối tượng vi phạm.

5. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản:

Tại các khu vực khoáng sản giáp ranh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khi tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản có thể kết hợp tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và nhân dân của tỉnh giáp ranh trong việc thực hiện quy định của pháp luật về khoáng sản nói chung và công tác bảo vệ khoáng sản tại khu vực giáp ranh nói riêng.

6. Phối hợp trong công tác sơ kết, tổng kết:

a) Định kỳ 01 lần/năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện công tác phối hợp quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh.

b) Nội dung, chương trình và địa điểm sơ kết, tổng kết đánh giá do Ủy ban nhân dân hai tỉnh thống nhất thông báo triển khai.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện của tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện: Yên Sơn, Chiêm Hoá, Na Hang tỉnh Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân các huyện: Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm triển khai, phổ biến đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn quản lý và tổ chức thực hiện Quy chế này. Trước ngày 31

tháng 12 hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn kết quả thực hiện Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn là cơ quan đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này; tham mưu tổ chức các cuộc họp, hội nghị liên quan.

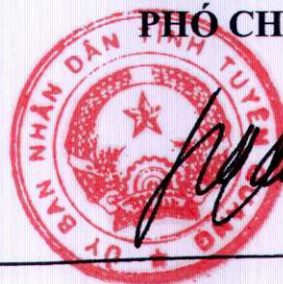
Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn để phối hợp xem xét, xử lý./.

TM. UBND TỈNH BẮC KẠN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Văn Chí

TM. UBND TỈNH TUYÊN QUANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn;
- UBND các huyện: Chiêm Hoá, Na Hang, Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang;
- UBND các huyện: Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu: VT, TNMT.

